

第二部分 非选择题

三、词语翻译题：本大题共 20 小题，每小题 1 分，共 20 分。将下列越（中）文词语翻译成中（越）文。

21. Hộ kinh doanh
22. Thuế lợi tức
23. Danh mục sản phẩm
24. Quảng cáo
25. Xã giao
26. Du lịch sinh thái
27. Đấu giá
28. Ban quản lý
29. Khu công nghệ cao
30. Nhận lời
31. 保险
32. 定金
33. 惯例
34. 命令
35. 还债
36. 考虑
37. 定价
38. 一分钱一分货
39. 夸奖
40. 标准

四、改错题：本大题共 10 小题，每小题 1 分，共 10 分。请用越语改正下列句子中错误的地方。

41. Ai cũng không muốn mô hàng xấu.
42. Khách hàng này đã làm ăn với tôi 3 năm rồi.
43. Tôi có người quên ở trong sở thương mại thành phố.
44. Mua nhiều thì chúng tôi mới bán theo giá bán lẻ.
45. Giá bên công ty anh trào so với hãng khác mềm hơn.
46. Chúng tôi mong đợi thư trả lời của các anh.

47. Chúng tôi giao hàng muộn do không thuê được xe chở hàng.
48. Là khách hàng cũ, mong chị bán hạ giá thêm nữa.
49. Hàng này chúng tôi đã đăng ký bản quyền tại VN.
50. Hàng này đẹp như vậy, em còn trê gì nữa?

五、翻译题：本大题共 10 小题，每小题 2 分，共 20 分。请将下列中（越）文句子翻译成越（中）文。

51. 为了占领市场，防止假货从边贸进入，我们想在越南申请我们生产的产品商标注册专利。
52. 我们不但要熟悉产品的性能、规格，而且还要了解产品的市场价格。
53. 从贵公司的旅游范围来说，目前可以满足要求，但从旅游的发展趋势来说还是有局限的。
54. 如果不是看在老客户的份上，这批货我们有权拒付的。
55. 你的意思是说，我汇钱到贵公司在中国银行的账户就行了？
56. Chuyển sang Hà Nội lần này, ngoài việc tiêu thụ những mặt hàng điện máy ra, chúng tôi còn muốn mở rộng phạm vi kinh doanh nhiều mặt hàng.
57. Doanh nghiệp được cấp lại 100% thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp ngân sách thành phố hưởng trong 5 năm.
58. Mỗi khách sạn đều có dịch vụ cho thuê xe ô tô 4-50 chỗ ngồi, đặt vé máy bay, vé tàu hỏa, tổ chức hội nghị, hội thảo, liên hoan, xoa bóp tắm hơi, ka-ra-ô-kê...
59. Lời nói vô căn cứ. Nếu ông đưa ra bằng chứng chứng minh trách nhiệm thuộc phía chúng tôi thì chúng tôi đồng ý bồi thường.
60. Do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế Đông Nam Á, Công ty chúng tôi đã từng xem xét đề nghị của phía ông đưa ra.

六、问答题：本大题共 3 小题，每小题 10 分，共 30 分。请用越语回答下列问题。

61. Những điều cần lưu ý khi viết thư đặt hàng gồm?
62. Thư tín dụng được chia làm mấy loại?
63. Sự khác nhau giữa thương mại quốc tế và biên mậu?